

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2025/QĐST-VDS

Mường Lát, ngày 30 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Viết Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên họp:

Ông Trương Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Lương Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn N - Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Anh Lương Văn B, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt

- *Người làm chứng (nếu có):* Không.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu và bản tự khai chị Lương Thị H1 trình bày:

Năm 2004, gia đình chị có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương cho chị và anh Lương Văn B. Bản thân chị và gia đình học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật Hôn nhân và Gia đình còn hạn chế, sau đó anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã M, huyện M thì do cán bộ Tư pháp chưa kiểm tra rõ ràng và căn cứ vào thông tin khai báo của chị mà đã đăng ký kết hôn cho chị theo Giấy đăng ký kết hôn số 13/2004 ngày 14/10/2004 giữa chị là Lương Thị H1 và anh Lương Văn B.

Nay, chị xem lại và có người nói cho chị được biết về trường hợp của anh chị đăng ký kết hôn khi chị chưa đến 18 tuổi là trái với quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Chị thấy điều này là vi phạm pháp luật Hôn nhân Gia đình nên chị không thể để chuyện này tiếp tục, nó sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống sau này.

Từ khi chị và anh Lương Văn B tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương đến nay. Trong thời gian gần đây anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp được, hiện tại anh chị đã ly thân và chị đã về nhà bố mẹ cùng bản để ở.

Nội dung chị yêu cầu và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát: “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” tại Giấy đăng ký kết hôn số 13/2004 ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa, giữa chị là Lương Thị H1 sinh năm 1988 và anh Lương Văn B, sinh năm 1984. Để chấp hành đúng quy định của pháp luật về Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên cháu là Lương Đức H2, sinh ngày 25/12/2006 hiện nay cháu đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày của đại diện UBND xã M, huyện M là ông Bùi Văn N:

Khi UBND xã nhận được Thông báo thụ lý vụ việc của Tòa án thì đã kiểm tra lý lịch và rà soát các tài liệu hồ sơ lưu giữ của UBND xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa, thì UBND xã M phát hiện trường hợp chị Lương Thị H1, sinh ngày 04/12/1986, những giấy tờ này làm sau ngày đăng ký kết hôn là sổ hộ khẩu và CCCD thì chị

Lương Thị H1 sinh ngày 04/12/1988. Khi chị H1 và anh B đến đăng ký kết hôn cũng đã có bản cam kết và khai báo về ngày, tháng, năm sinh của 02 người, nên cán bộ Tư pháp mới làm thủ tục đăng ký cho chị H1 và anh B tại Giấy đăng ký kết hôn số 13/2004 ngày 14/10/2004. Trong quá trình bảo quản và cất giữ chị Lương Thị H1 đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn bản gốc, nên chị H1 đã cung cấp trích lục kết hôn số 13/2004 ngày 14/10/2004 thì chị Lương Thị H1 lại sinh ngày 04/12/1988 là đúng với giấy tờ tùy thân là Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, xác nhận thông tin cư trú của chị H1 (ngày 04/12/1988). Căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Căn Cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, xác nhận thông tin cư trú thì chị Lương Thị H1, sinh ngày 04/12/1988 nhưng khi đi đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi, nên chị đã khai gian lận tuổi và cán bộ tư pháp cũng chỉ căn cứ vào lời khai của chị nên đã đăng ký kết hôn khi chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 “Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên). Việc đăng ký kết hôn và ban hành Giấy chứng nhận kết hôn là trái pháp luật.

Vì vậy, UBND xã M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm đăng ký kết hôn của UBND xã M cấp cho chị H1 và anh B ngày 14/10/2004). Việc chị H1 và anh B khai báo không trung thực tại giấy khai báo khi đăng ký kết hôn thì UBND xã M sẽ tiến hành xử lý theo thủ tục hành chính.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lương Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lương Thị H1 có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc. Thời gian đầu anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian gần đây hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân. Tại thời điểm anh chị đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, thì chị Lương Thị H1, sinh ngày 04/12/1988, chưa đủ 18 tuổi nên chưa đủ tuổi kết hôn, nhưng chị Lương Thị H1 cung cấp thông tin cho cán bộ tư pháp lại khai sinh ngày 04/12/1986 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn, trên cơ sở đó Cán bộ Tư pháp xã M đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho vợ chồng cho chị Lương Thị H1, sinh ngày 04/12/1986, anh Ngân Văn B1, sinh năm 1984, vào sổ số 13/2004, ngày 14/10/2004, do UBND xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa cấp. Đối chiếu các giấy tờ hiện nay trong sổ hộ khẩu gia đình, Căn cước công dân của chị Lương Thị H1,

đều có có ngày, tháng, năm sinh là 04/12/1988, nên không khớp năm sinh trong sổ kết hôn. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Lương Thị H1.

Về con chung: Trong thời chung sống anh, chị có 01 con chung là Lương Đức H2, sinh ngày 25/12/2006 hiện tại cháu đã đủ 18 tuổi, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết việc dân sự đề nghị: Áp dụng khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quy ết số 326/2016/UBTVQH14 n gày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu việc dân sự:

Chấp nhận yêu cầu của anh Lương Thị H1, sinh năm 1988, trú tại: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Tuyên huỷ việc kết hôn trái pháp luật, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2004 ngày 14/10/2004 cấp cho chị Lương Thị H1 và anh Lương Văn B của UBND xã M, huyện M.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân các đương sự có 01 con chung là Lương Đức H2, sinh ngày 25/12/2006 hiện tại cháu đã đủ 18 tuổi, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H1 anh Bằng K yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Miễn tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình cho chị Lương Thị H1

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lương Thị H1 là người yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, có hộ khẩu thường trú tại: Bản N, xã M, huyện M, khi phát hiện chị và anh B kết hôn trái pháp luật, nên chị đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo trích lục kết hôn của anh B và chị H1). Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành các thủ tục giao, Thông báo thụ lý việc dân sự đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt. Tòa án giải quyết vắng mặt người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu việc dân sự và yêu cầu về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ như: Căn cước công dân, Giấy xác nhận thông tin cư trú của chị H1 đã có đủ căn cứ chứng minh chị Lương Thị H1, sinh ngày 04/12/1988. Theo xác nhận của UBND xã M, huyện M, thì chị Lương Thị H1 sinh ngày 04/12/1988 trên Căn cước công dân và chị Lương Thị H1, sinh ngày 04/12/1988 trên Giấy đăng ký kết hôn và trên Sổ đăng ký kết hôn đều là 01 người.

Vào ngày 14/10/2004, chị Lương Thị H1 lúc này mới 15 tuổi 10 tháng 10 ngày, để được đăng ký kết hôn với anh B, do chưa đủ tuổi nên anh chị đã tự khai tăng tuổi (từ 1988 lên 1986) để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch, cán bộ Tư pháp và Chủ tịch UBND xã M đã đăng ký kết hôn cho chị H1 và anh B tại giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 14/10/2004 và ghi chị Lương Thị H1, sinh ngày 04/12/1986 để đủ tuổi đăng ký kết hôn (không đúng như trong các giấy tờ tùy thân của chị H1 là ngày 04/12/1988). Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, là kết hôn trái pháp luật. Do vậy, chị Lương Thị H1 yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo Điều 10, 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh B: Chị Lương Thị H1 và anh Lương Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/10/2004. Hội đồng giải quyết việc dân sự xét thấy, thời điểm chị H1 và anh B đăng ký kết hôn chị Lương Thị H1 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Như vậy, việc đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về kiện kết hôn như sau: “*Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên*”. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị H1 và anh Lương Văn B là quan hệ không hợp pháp, do vậy không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Lương Thị H1 có đơn yêu cầu và bản tự khai, anh Lương Văn B có bản tự khai và đơn đề nghị yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân, nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 10; Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị Lương Thị H1 và anh Lương Văn B có 01 con chung là Lương Đức H2, sinh ngày 25/12/2006 hiện tại cháu đã đủ 18 tuổi, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H1 và anh Bằng K yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về lệ phí: Miễn lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị H1

[7]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được kháng cáo và Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định tại Điều 372, Điều 373 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149, Điều 362, Điều 356, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 15, Điều 16, Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, khoản 2 Điều 11, Điều 12, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 2, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ k hoãn 2 Điều 12, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu giải quyết việc dân sự và quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị H1, sinh năm 1988, trú tại bản N, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13, ngày 14/10/2004 của UBND xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa cấp cho chị Lương Thị H1 sinh ngày 04/12/1986 và anh Lương Văn B, sinh ngày 25/8/1984.

Chấp nhận đề nghị của chị Lương Thị H1 và anh Lương Văn B. Quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị H1 và anh Lương Văn B chấm dứt kể từ ngày 30/5/2025.

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Lệ phí Tòa án: Miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự cho chị Lương Thị H1.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Lương Thị H1, anh Lương Văn B, UBND xã M có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nơi nhận:

- Phòng KTNV- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 9 -VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Mường Lát;

- Chi cục THADS huyện Mường Lát;

- UBND xã Mường Chanh, huyện

Mường Lát;

- Người yêu cầu;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Tiến Dũng